

ỦY BAN DÂN TỘC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *128* /UBND-DTTS
V/v Hướng dẫn bổ sung thực hiện
Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg
của Thủ tướng Chính phủ

Hà Nội, ngày *24* tháng 01 năm 2024

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ngày 29/12/2023, Ủy ban Dân tộc ban hành công văn số 2460/UBND-DTTS hướng dẫn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh) thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 và Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số (sau đây gọi là Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg và Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg).

Để tiếp tục thực hiện các chế độ, chính sách đối với người có uy tín được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Ủy ban Dân tộc hướng dẫn bổ sung công văn số 2460/UBND-DTTS ngày 29/12/2023 của Ủy ban Dân tộc (sau đây gọi là công văn số 2460/UBND-DTTS) như sau:

1. Về lựa chọn, phê duyệt danh sách người có uy tín

a) Đối với các tỉnh đã thực hiện bãi bỏ danh sách người có uy tín giai đoạn 2023-2027 theo hướng dẫn tại điểm a mục 1 của công văn số 2460/UBND-DTTS và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là huyện) đã phê duyệt lại danh sách người có uy tín của huyện có tên trong danh sách được công nhận giai đoạn 2023-2027 thì sử dụng danh sách trên để thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg và Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg.

b) Đối với các tỉnh chưa kịp thời thực hiện bãi bỏ danh sách người có uy tín giai đoạn 2023-2027:

- Sử dụng danh sách người có uy tín được tỉnh phê duyệt giai đoạn 2023-2027 để thực hiện các chế độ chính sách đối với người có uy tín theo quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg và Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg.

- Trước ngày 31/12/2024 thực hiện theo hướng dẫn tại điểm a mục 1 của công văn số 2460/UBND-DTTS để thống nhất thực hiện quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận, đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trên địa bàn huyện theo phân cấp được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg.

c) Đối với các thôn, tổ dân phố và tương đương (gọi chung là thôn) thuộc xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã) vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền

núi nhưng không có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống thì không thực hiện lựa chọn người có uy tín.

2. Thực hiện cấp báo cho người có uy tín

Nhằm cung cấp thông tin cho người có uy tín về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thông tin, kiến thức cơ bản về công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc; tình hình, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trật tự; kết quả thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc đang thực hiện trên địa bàn các tỉnh vùng dân tộc thiểu số và miền núi trên phạm vi cả nước, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, giao Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu thực hiện lựa chọn, cấp báo cho người có uy tín của tỉnh (nội dung này thay thế hướng dẫn tại điểm c, mục 2 của công văn số 2460/UBNDT-DTTS) như sau:

a) Lựa chọn báo cấp cho người có uy tín

- Một ấn phẩm báo của địa phương hoặc hình thức cung cấp thông tin khác (như: Chuyên đề, bản tin, thông tin nội bộ, v.v...) do địa phương lựa chọn, phù hợp với khả năng tiếp cận thông tin của người có uy tín và nguồn kinh phí được giao, để cấp 01 tờ/người/kỳ cho người có uy tín của tỉnh.

- Một ấn phẩm báo của Cơ quan ngôn luận thuộc cơ quan quản lý nhà nước hoạt động trong lĩnh vực dân tộc và công tác dân tộc¹ trong phạm vi cả nước, có Giấy phép hoạt động báo chí được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật, bảo đảm điều kiện về tôn chỉ, mục đích hoạt động thông tin, tuyên truyền về công tác dân tộc, chính sách dân tộc, có năng lực và kinh nghiệm xuất bản, phát hành báo cho người có uy tín để cấp 01 tờ/người/kỳ/tháng cho người có uy tín của tỉnh.

b) Thẩm quyền quyết định phương thức thực hiện và đơn giá ấn phẩm báo cấp cho người có uy tín do tỉnh lựa chọn thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 8 của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (quy định tại Mục IV.16 của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP).

3. Kinh phí thực hiện chính sách đối với người có uy tín

a) Đối với các tỉnh tự cân đối được ngân sách: Sử dụng nguồn ngân sách địa phương để thực hiện các chế độ, chính sách đối với người có uy tín theo quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg và Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg.

¹ Theo Điều 22 Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về công tác dân tộc quy định Cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc: 1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công tác dân tộc; 2. Ủy ban Dân tộc có trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc trong phạm vi cả nước;...3. Cơ quan công tác dân tộc được tổ chức từ Trung ương (Ủy ban Dân tộc), tỉnh (Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh) và cấp huyện (Phòng Dân tộc) thuộc vùng đồng bào dân tộc.

b) Đối với các tỉnh khó khăn, chưa tự cân đối được ngân sách:

Kinh phí thực hiện chính sách đối với người có uy tín của tỉnh được chi từ các nguồn:

- Ngân sách trung ương (các nội dung chính sách quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg, bao gồm: tập huấn, bồi dưỡng, cung cấp thông tin, cấp báo cho người có uy tín; hỗ trợ vật chất, động viên tinh thần: dịp Lễ, Tết, ốm đau đi điều trị bệnh, khó khăn, hoạn nạn, thăm viếng khi chết); hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương theo cơ chế quy định tại Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 24/01/năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành giai đoạn 2022-2025.

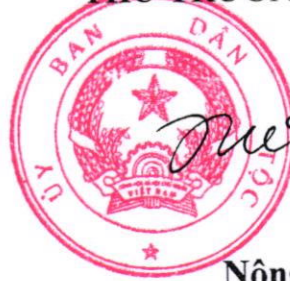
- Ngân sách địa phương bố trí để thực hiện các nội dung còn lại để thực hiện chính sách đối với người có uy tín và nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ cho các tỉnh (như: Biểu dương, khen thưởng, tôn vinh người có uy tín; tổ chức các đoàn đại biểu người có uy tín của địa phương đi làm việc, giao lưu, tọa đàm, học hỏi kinh nghiệm tại các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, Cơ quan công tác dân tộc ở Trung ương và cấp tỉnh; gặp mặt, tặng quà người có uy tín của tỉnh,...).

Trên đây là hướng dẫn bổ sung công văn số 2460/UBND-DTTS của Ủy ban Dân tộc về việc thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg và Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Các nội dung khác tiếp tục thực hiện theo công văn số 2460/UBND-DTTS và công văn số 26/UBND-DTTS ngày 09/01/2024 của Ủy ban Dân tộc. Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện theo nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao. Thông tin xin liên hệ Vụ Dân tộc thiểu số, Ủy ban Dân tộc, điện thoại 024.37349892./. *CS*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Chủ nhiệm UBND (để b/cáo);
- Bộ Tài chính;
- Cơ quan CTDT và Sở Tài chính các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các TT, PCN UBND;
- Các Vụ: KHTC, TT, CTDTĐP;
- Báo Dân tộc và Phát triển;
- Lưu VT, DTTS (03b) *20*

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**



Nguyễn Tuấn
Nguyễn Quốc Tuấn

CV 128

**DANH SÁCH
GỬI CÔNG VĂN CÁC TỈNH/THÀNH PHỐ**

(Mỗi tỉnh gửi 03 cơ quan: UBND tỉnh, Sở Tài chính và Cơ quan CTDT tỉnh)

1. UBND tỉnh
2. Sở Tài chính tỉnh
3. Cơ quan Công tác dân tộc tỉnh:

STT	Tỉnh/Thành phố	STT	Tỉnh/Thành phố
1	Hà Giang	28	Ninh Thuận
2	Tuyên Quang	29	Bình Thuận
3	Thái Nguyên	30	Gia Lai
4	Cao Bằng	31	Kon Tum
5	Bắc Kạn	32	Đắk Lắk
6	Lạng Sơn	33	Đắk Nông
7	Quảng Ninh	34	Lâm Đồng
8	Vĩnh Phúc	35	Bình Phước
9	Bắc Giang	36	Đồng Nai
10	Lào Cai	37	Tp. Hồ Chí Minh
11	Yên Bái	38	Bà Rịa-Vũng Tàu
12	Phú Thọ	39	Tp. Cần Thơ
13	Lai Châu	40	Hậu Giang
14	Điện Biên	41	Sóc Trăng
15	Sơn La	42	Bạc Liêu
16	Hòa Bình	43	Cà Mau
17	Tp. Hà Nội	44	Trà Vinh
18	Thanh Hóa	45	Kiên Giang
19	Nghệ An	46	An Giang
20	Quảng Bình	47	Vĩnh Long
21	Quảng Trị	48	Hải Dương (Văn phòng UBND tỉnh)
22	Thừa Thiên Huế	49	Ninh Bình (Văn phòng UBND tỉnh)
23	Quảng Nam	50	Hà Tĩnh (Văn phòng UBND tỉnh)
24	Quảng Ngãi	51	Đà Nẵng (Văn phòng UBND Th.phố)
25	Bình Định	52	Bình Dương (Văn phòng UBND tỉnh)
26	Phú Yên	53	Tây Ninh (Văn phòng UBND tỉnh)
27	Khánh Hòa		